

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2022

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Mơ

Ông Nguyễn Đức Thiệu

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Thu C, sinh năm 1991.

Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Khu 5, xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Phùng Thị Thu C trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 18/3/2013. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên chơi bời, rượu chè,...không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2013 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung; Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn anh Đinh Văn T* đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và nhận được các giấy triệu tập hợp lệ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua bà Đinh Thị Cẩm là mẹ đẻ anh T nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T không lần nào đến Tòa án để tham gia tố tụng vì thế không có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Thông qua bà Cẩm anh T có quan điểm vì vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không còn tình cảm nữa nên anh đồng ý ly hôn. Vợ chồng anh T, chị C không có con chung.

3. *Tại biên bản làm việc với Trưởng khu, Tư pháp và đại diện UBND xã X có nội dung:*

Chị C và anh T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu 5, xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay, chị C và anh T không có con chung. Đề nghị căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

4. *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

Về nội dung vụ án đề nghị hướng giải quyết như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Thu C được ly hôn anh Đinh Văn T.

Về con chung; Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Phùng Thị Thu C xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phùng Thị Thu C phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Phùng Thị Thu C, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Bị đơn anh Đinh Văn T đang cư trú tại xã X, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] *Tại phiên tòa hôm nay* nguyên đơn chị Phùng Thị Thu C vắng mặt, tuy nhiên chị đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đinh Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các bên đương sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Đinh Văn T và chị Phùng Thị Thu C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, ngày 18/3/2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Đinh Văn T và chị Phùng Thị Thu C được đại diện khu dân cư và Ủy ban nhân dân xã X cho biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị C do vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013, nghĩa là vợ chồng chỉ chung sống với nhau vài tháng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T thông qua mẹ đẻ là bà Cẩm cũng đồng ý ly hôn. Do vậy cần xử cho chị C được ly hôn anh T là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung; Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Chị C xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Thu C được ly hôn anh Đinh Văn T.

2. Về con chung; Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phùng Thị Thu C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Phùng Thị Thu C đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0008499 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Chị C đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn Anh